

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2021/DS-ST**
Ngày: 30-6-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2020/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2021/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng A. Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức D - Giám đốc; bà Hồ Thị Tuyết M - Phó Giám đốc, Trung tâm thẻ Ngân Hàng A (Theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL, ngày 05/5/2020 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực thẻ của Ngân Hàng A).

Bà Hồ Thị Tuyết M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Trung Q - Nhân viên Ngân Hàng A (Theo giấy ủy quyền số 1054/2020/UQ-TTT, ngày 01/10/2020 của Ngân Hàng A).

Bị đơn: Ông Trần Anh H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: đường T, khóm 4, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trung Q có mặt; ông Phạm Đức D, ông Trần Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 Ngân Hàng A thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 18/10/2011, ông Trần Anh H có ký với Ngân Hàng A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 86.084.000đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 106.649.000đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ vào điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/02/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20/5/2020 ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 11.747.999đồng;
 - Lãi quá hạn: 1.343.936đồng;
- Tổng cộng là 13.091.935đồng.

Mặc dù ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, ông H vẫn không thanh toán các khoản vay cho ngân hàng. Ông H đã vi phạm các điều khoản quy định theo hợp đồng đã ký.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Trần Anh H phải trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2020 là 13.091.935đồng. Trong đó: Nợ gốc là 11.747.999đồng và lãi quá hạn là 1.343.936đồng.

2/ Ông Trần Anh H có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 21/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Trần Anh H không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2021 là 19.292.367đồng. Trong đó: Nợ gốc là 11.747.999đồng và lãi

quá hạn là 7.544.368đồng. Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh từ ngày 01/7/2021 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Ngân hàng căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/10/2011 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, được ký kết giữa Ngân hàng và ông Trần Anh H để yêu cầu ông H trả nợ gốc, lãi quá hạn và lãi phát sinh chưa thanh toán cho Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 474, Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên, căn cứ vào Tóm tắt sao kê của Ngân hàng, nhận thấy đối với phương cách tính thanh toán (Điều 20 của hợp đồng) giữa Ngân hàng và khách hàng sử dụng thẻ tín dụng là khi khách hàng có phát sinh giao dịch (sử dụng tiền trong thẻ) và thanh toán tiền nợ lại cho Ngân hàng với số tiền tương ứng đã sử dụng và số tiền khách hàng chưa thanh toán sẽ chuyển tiếp qua nợ kỳ sau được thể hiện thông qua bảng Tóm tắt sao kê của Ngân hàng cung cấp. Nhận thấy, kỳ giao dịch mà ông H không thanh toán hoặc có thanh toán nhưng còn nợ thì Ngân hàng cộng tiền nợ gốc với phí, lãi phát sinh của kỳ trước chuyển sang thành nợ đầu kỳ (nợ gốc) của kỳ sau và tiếp tục tính lãi trên số nợ đầu kỳ này. Như vậy, cho thấy số tiền mà Ngân hàng yêu cầu phía ông H phải trả cho đến cuối kỳ với nợ gốc 11.747.999đồng là không chính xác vì số tiền này đã bao gồm tiền phí và lãi phát sinh của mỗi kỳ phía trước đó.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H trả cho ngân hàng số tiền nợ bao gồm vốn gốc ban đầu mà bị đơn đã vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất trên vốn gốc ban đầu. Không chấp nhận đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu tạm tính vượt quá như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng A yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2021 là 19.292.367 đồng của thẻ tín dụng số 970403-7227 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/10/2011. Trong đó: Nợ gốc là 11.747.999 đồng và lãi quá hạn là 7.544.368 đồng.

Đối với quá trình giao dịch rút tiền, trả lãi, phí và gốc của ông H được thể hiện qua các “Tóm tắt sao kê”: Ngày 20/5/2020 (kèm theo đơn khởi kiện); ngày 15/12/2020 (kèm theo văn bản số 116 ngày 20/3/2021 của Ngân hàng); tại phiên tòa ngày 14/6/2021 và 30/6/2021 đều xác định số tiền gốc tính đến thời điểm ông H ngưng thanh toán và Ngân hàng có thông báo yêu cầu thanh toán nếu không sẽ chuyển sang nợ quá hạn là 10.569.861 đồng.

Tuy nhiên, sau đó Ngân hàng lại cộng cả số tiền lãi và phí hàng tháng ông H không thanh toán để xác định là dư nợ đầu kì để tiếp tục tính lãi của cả nợ gốc, phí và lãi chưa thanh toán của kì trước là không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xác định số nợ gốc ông H giao dịch còn nợ lại đến thời điểm ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn là 10.569.861 đồng.

Đối với tiền phí trễ hạn trong hạn ông H còn nợ lại Ngân hàng tự nguyện giảm cho bị đơn. Việc tự nguyện này của ngân hàng có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do ông H không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì ông H còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân Hàng A mà ông H đã ký với Ngân hàng.

Đối với tiền lãi trong hạn: Từ ngày 23/11/2019 đến ngày 22/02/2020 là 92 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,6%/tháng; nợ gốc là 10.569.861 đồng.

Tiền lãi trong hạn: $10.569.861 \text{ đồng} \times 2,6\% / \text{tháng} \times 92 \text{ ngày} = 842.770 \text{ đồng}$

Số tiền lãi quá hạn ông H còn phải thanh toán cho Ngân hàng là:

- Từ ngày 23/02/2020 đến ngày 30/6/2021 là 494 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3,9%/tháng; nợ gốc là 10.569.861đồng.

Tiền lãi: 10.569.861đồng x 3,9%/tháng x 494 ngày = 6.787.965đồng

Tổng số tiền gốc và lãi ông H phải trả là: 18.200.596đồng. Trong đó: Nợ gốc 10.569.861đồng; lãi trong hạn 842.770đồng; lãi quá hạn 6.787.965đồng.

Do theo quy định pháp luật số tiền gốc và lãi ông H phải trả cho Ngân hàng là 18.200.596đồng nên đối với yêu cầu trả số tiền 19.292.367đồng của Ngân hàng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần là 18.200.596đồng; yêu cầu buộc ông H trả thêm số tiền chênh lệch 1.091.771đồng của Ngân hàng không được chấp nhận.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải nộp theo quy định pháp luật. Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A: Buộc bị đơn ông Trần Anh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại của thẻ tín dụng số 970403-7227 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/10/2011 là 18.200.596đồng (Mười tám triệu, hai trăm nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng) (Làm tròn số: 18.201.000đồng) Trong đó: Nợ gốc 10.569.861đồng (Mười triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi mốt đồng); lãi trong hạn 842.770đồng (Tám trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng); lãi quá hạn 6.787.965đồng (Sáu triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 01/7/2021 ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với yêu cầu buộc ông H trả số tiền 1.091.771đồng (Một triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H phải nộp 910.000đồng (Chín trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 327.000đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009249, ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Ngân hàng A được nhận lại 27.000đồng (Hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân Hàng A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Ông Trần Anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Bé Thu